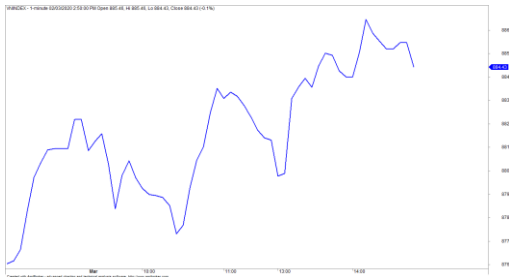


Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	884.43	110.67	55.17
% ngày	0.25%	0.99%	0.22%
% tuần	-2.09%	6.23%	-0.11%
% tháng	-5.57%	8.12%	0.07%
% năm	-9.72%	3.18%	-0.92%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	3,390	942	294
TB 1 tuần	3,608	701	273
TB 1 tháng	3,600	528	318
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	355.58	3.30	21.07
Bán	651.06	30.87	39.18
Giá trị ròng	-295.48	-27.57	-18.11
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	141	72	162
Mã Giảm	149	56	89
Không Đổi	100	244	652
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	13.63	9.22	14.51
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,025	206	859
LS Cổ tức	2.65%	5.62%	5.01%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Diễn biến ổn định từ thị trường thế giới giúp các chỉ số chứng khoán Việt Nam diễn biến tích cực. Chỉ số VN-Index đóng cửa trong sắc xanh với mức tăng 0.25% dừng tại 884.43 điểm. Chỉ số HNX-Index tiếp tục xung lực tăng mạnh với mức tăng 1% đóng cửa tại 110.67 điểm trong khi Upcom-Index tăng nhẹ 0.23%. Giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 3,800 tỷ đồng toàn thị trường.

GAS gây chú ý với mức tăng 4.2% đóng cửa tại mức 79,000 đồng/cp nhưng khối lượng chưa cải thiện trong phiên tăng giá hôm nay. SAB cũng gây chú ý với mức tăng 4.9% dừng tại 170,000 đồng/cp. Đóng góp tích cực vào đà tăng của chỉ số cũng không thể thiếu nhóm Ngân hàng. STB tăng 6.5% với thanh khảo hơn 27,5 triệu cp dẫn đầu thanh khoản sàn HOSE. Ngoài ra, MBB tăng 1.5%, TCB tăng 1.1%.

Trên sàn HNX, SHB tiếp tục được đẩy hết biên độ với thanh khoản tăng vọt lên gần 55 triệu cp. Với biên động mạnh về giá và dòng tiền, xung lực tăng sẽ còn kỳ vọng trên cổ phiếu này trong ngắn hạn.

Trong khi đó trên Upcom, LPG tăng hết biên độ đóng cửa tại 7,900 đồng với thanh khoản hơn 8 triệu cp.

Khối ngoại tiếp tục động thái bán ròng với giá trị 341 tỷ đồng toàn thị trường. Họ bán ròng chủ yếu tại MSN(39.4 tỷ), VJC(29 tỷ), VNM(28.8 tỷ). Ở chiều ngược lại, E1VFN30(32.6 tỷ), NLG(27.7 tỷ) là những mã được mua ròng tích cực nhất.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể tiếp tục hồi phục trong phiên kế tiếp và chỉ số VN-Index có thể tiến đến mức 890 điểm – Đây là vùng khoảng trống giảm giá được hình thành trong phiên 28/02/2020. Đồng thời, thị trường vẫn đang trong giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tiêu cực, nhưng sự phân hóa vẫn đang diễn ra khi nhóm ngân hàng đang dần quay trở lại dẫn dắt thị trường, đặc biệt nhóm ngân hàng tiếp tục dẫn dắt đà tăng chính của chỉ số HNX-Index và chỉ số này tiến về gần mức đỉnh cao nhất 2019. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng nhẹ, nhưng cơ hội vẫn khá ít.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên chỉ số VN-Index và VN30 với mức kháng cự ở mức 906.55 điểm và 860.62 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn nên tiếp tục đứng ngoài thị trường. Đồng thời, các nhà đầu tư cũng có thể tìm kiếm cơ hội ở từng cổ phiếu với tỷ trọng thấp nhằm thăm dò xu hướng thị trường.

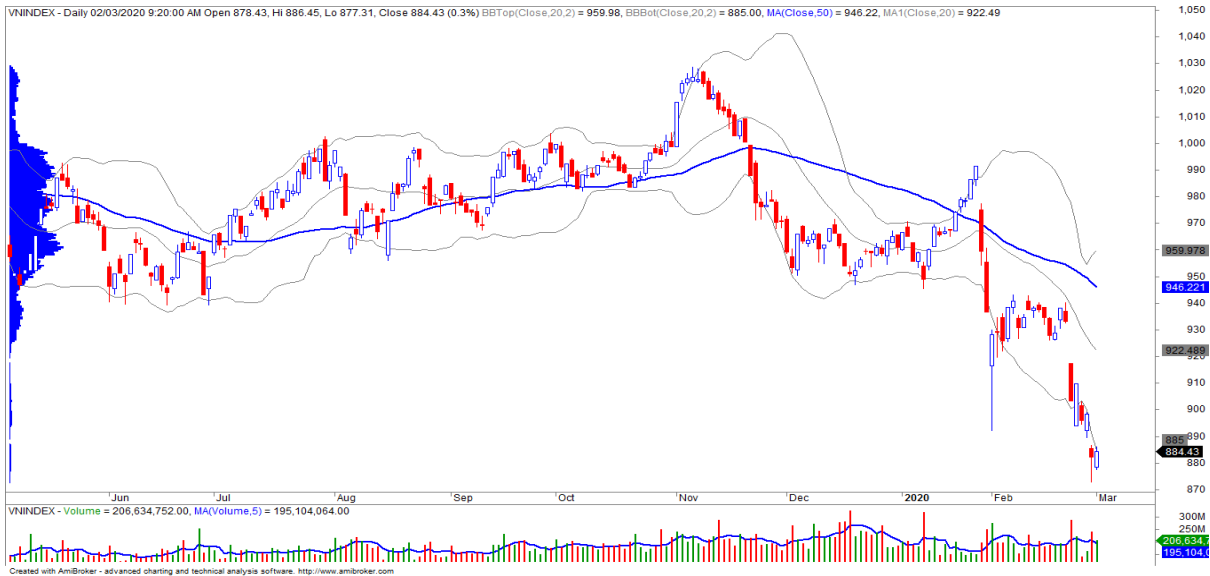
**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 24% cổ phiếu/76% tiền.**

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

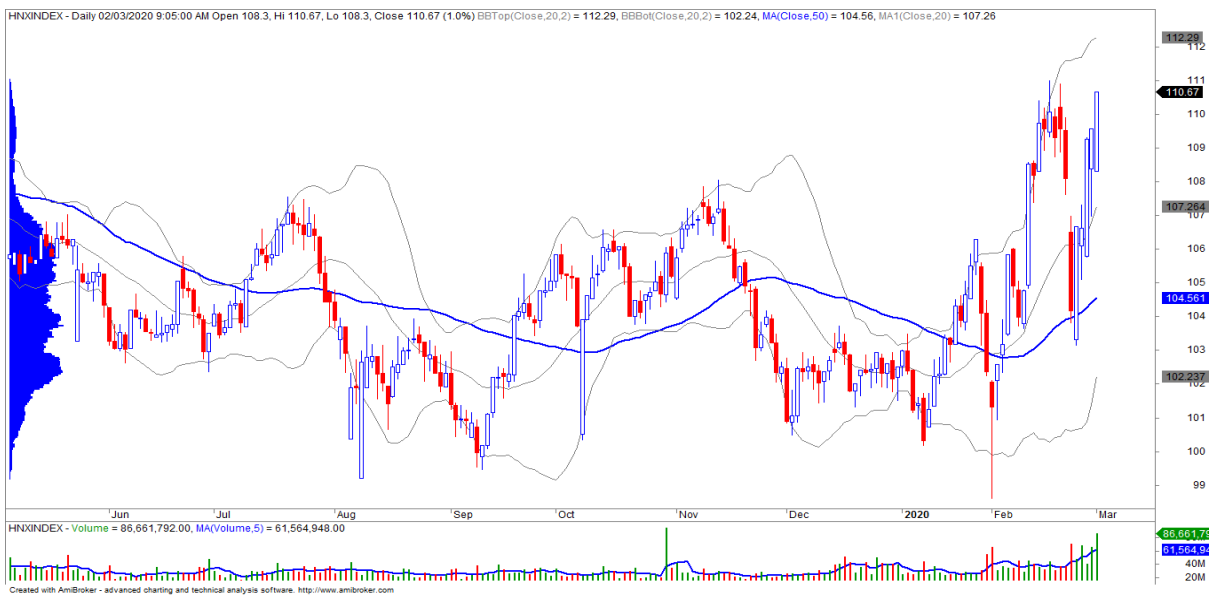


We Create **Fortune**

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	106	108	99	90
Chỉ số VN30	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	835	845	822	804



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.40	GIẢM	TĂNG		13.22			12.35	11.21	0.40%	MUA
ACB	25.20	GIẢM	TĂNG		26.21			24.00	23.02	5.00%	
ACV	53.00	GIẢM	GIẢM		56.25				67.00		
ANV	17.10	GIẢM	GIẢM		18.62				21.46		
ASM	5.74	TĂNG	GIẢM	5.80	5.34	-1.03%			6.62		
BFC	12.10	TĂNG	GIẢM	11.20	11.45	8.04%			12.24		
BID	45.15	GIẢM	GIẢM		49.56			33.40	49.22	47.36%	BÁN
BMP	40.50	GIẢM	GIẢM		43.67				45.49		
BSR	7.60	GIẢM	GIẢM		7.89				8.84		
BVH	54.70	GIẢM	GIẢM		58.64				64.91		
BWE	21.20	GIẢM	GIẢM		21.82				22.61		
CEO	8.10	GIẢM	GIẢM		8.65				9.26		
CII	21.50	GIẢM	GIẢM		23.10			26.00	22.83	-12.20%	BÁN
CMG	30.40	GIẢM	GIẢM		32.55				34.69		
CMX	11.80	GIẢM	TĂNG		13.61			13.50	9.24	-12.59%	
CSM	14.80	TĂNG	TĂNG	14.70	14.26	0.68%		12.25	14.75	20.82%	MUA
CTD	64.00	GIẢM	TĂNG		68.20			64.20	56.00	-0.31%	
CTG	25.50	GIẢM	TĂNG		26.93			23.55	24.15	8.28%	
CTR	45.10	TĂNG	TĂNG	48.20	44.29	-6.43%		49.70	40.69	-9.26%	
CVT	18.95	GIẢM	GIẢM		20.04				21.66		
DCM	6.02	TĂNG	TĂNG	5.93	6.00	1.52%		6.18	5.63	-2.59%	
DGC	24.30	GIẢM	GIẢM		25.11				26.93		
DGW	25.10	GIẢM	TĂNG		27.74			25.20	24.11	-0.40%	
DHA	32.25	TĂNG	GIẢM	31.85	30.41	1.26%			32.52		
DHC	37.00	GIẢM	TĂNG		38.23			37.70	36.02	-1.86%	
DHG	95.00	GIẢM	TĂNG		101.23			99.50	88.63	-4.52%	
DIG	12.40	GIẢM	TĂNG		13.32			12.55	11.62	-1.20%	MUA
DPG	26.20	GIẢM	GIẢM		30.42				32.83		
DPM	12.00	GIẢM	GIẢM		12.55				12.75		
DPR	37.65	GIẢM	TĂNG		40.07			41.30	36.21	-8.84%	
DQC	14.00	GIẢM	GIẢM		14.53				15.72		
DRC	22.15	GIẢM	GIẢM		24.04				25.96		
DXG	11.85	GIẢM	GIẢM		12.89				13.70		
EIB	17.70	TĂNG	TĂNG	17.80	16.75	-0.56%		18.40	16.46	-3.80%	
FCN	9.14	GIẢM	GIẢM		9.75				10.51		



We Create Fortune

FMC	23.00	GIẢM	GIẢM		24.29			26.56		
FPT	55.70	TĂNG	GIẢM	56.00	52.63	-0.54%		56.69		
GAS	79.00	GIẢM	GIẢM		81.02			92.82		
GEX	18.15	GIẢM	GIẢM		18.88			20.45		
GIL	18.40	GIẢM	TĂNG		20.54		18.90	17.41	-2.65%	
GMD	19.00	GIẢM	GIẢM		19.95			21.10		
GTN	16.25	GIẢM	GIẢM		17.93			19.23		
GVR	12.30	TĂNG	GIẢM	11.80	11.19	4.24%		12.77		
HAG	3.27	GIẢM	GIẢM		3.49			3.97		
HAX	12.00	GIẢM	GIẢM		12.96			16.30		
HBC	10.15	GIẢM	GIẢM		10.93			12.07		
HCM	17.20	GIẢM	GIẢM		18.60			21.47		
HDB	27.70	GIẢM	TĂNG		29.00		29.95	25.76	-7.51%	
HDC	19.55	GIẢM	GIẢM		21.38			23.28		
HDG	26.40	GIẢM	GIẢM		28.27			29.65		
HNG	13.40	GIẢM	GIẢM		13.78			14.51		
HPG	22.30	GIẢM	GIẢM		23.71		23.85	23.23	-2.62%	BÁN
HSG	7.59	GIẢM	TĂNG		8.14		7.75	7.52	-2.06%	
HT1	14.00	GIẢM	TĂNG		14.86		16.90	13.91	-17.16%	
HUT	2.10	GIẢM	GIẢM		2.19			2.58		
HVN	22.20	GIẢM	GIẢM		24.95			30.32		
KBC	14.55	GIẢM	TĂNG		15.08		14.37	14.21	1.27%	BÁN
KDH	24.60	GIẢM	GIẢM		25.00			26.24		
KSB	20.50	TĂNG	TĂNG	19.65	17.21	4.33%	19.65	15.18	4.33%	MUA
LCG	6.23	GIẢM	GIẢM		6.72			7.57		
LDG	5.89	GIẢM	GIẢM		6.55			7.94		
LHG	14.25	GIẢM	GIẢM		14.91			16.11		
LPB	7.90	TĂNG	TĂNG	7.90	7.25	0.00%	MUA	7.40	6.18	6.76%
MBB	20.70	GIẢM	GIẢM		21.52			22.70		
MPC	23.80	TĂNG	TĂNG	22.00	22.01	8.18%	24.10	19.14	-1.24%	
MSN	49.00	GIẢM	GIẢM		51.80			56.41		
MSR	14.90	TĂNG	GIẢM	15.00	13.60	-0.67%		16.05		
MWG	106.50	GIẢM	GIẢM		110.77			118.39		
NDN	15.60	TĂNG	GIẢM	15.40	14.89	1.30%		16.36		
NKG	8.29	GIẢM	GIẢM		8.80			9.51		
NLG	25.60	GIẢM	GIẢM		25.92		28.70	28.61	-0.32%	BÁN
NT2	19.75	GIẢM	TĂNG		20.29		20.55	18.73	-3.89%	
NTL	20.00	GIẢM	GIẢM		21.54			23.30		
NVL	53.60	GIẢM	GIẢM		55.39			58.55		



We Create Fortune

OIL	6.80	GIẢM	GIẢM		7.18			8.38		
PAC	22.90	GIẢM	GIẢM		23.97			25.39		
PC1	14.20	GIẢM	GIẢM		15.32			17.81		
PDR	26.00	TĂNG	TĂNG	26.50	25.09	-1.89%		29.00	25.19	-10.34%
PHR	46.80	TĂNG	TĂNG	38.50	43.83	21.56%		47.20	34.83	-0.85%
PLX	50.80	GIẢM	GIẢM		52.45			55.87		
PNJ	81.60	GIẢM	GIẢM		85.65			89.93		
POW	9.98	GIẢM	GIẢM		10.58			11.22		
PVT	12.25	GIẢM	GIẢM		13.02			14.77		
PPC	27.45	TĂNG	TĂNG	26.80	26.96	2.43%		28.40	24.97	-3.35%
PTB	63.90	GIẢM	GIẢM		66.96			72.44		
PVB	15.20	GIẢM	GIẢM		16.05			18.20		
PVD	11.85	GIẢM	GIẢM		12.82			14.83		
PVI	30.80	GIẢM	GIẢM	32.00	31.05	-2.97%	BÁN		33.18	
PVS	15.00	GIẢM	GIẢM		16.00			18.18		
PXS	4.68	GIẢM	GIẢM		5.51			6.20	4.92	-20.71%
QNS	25.50	GIẢM	GIẢM		27.10			28.48	26.05	-8.53%
REE	32.45	GIẢM	GIẢM		33.69			36.65		
SAB	170.00	GIẢM	GIẢM		177.71			206.16		
SAM	10.00	GIẢM	TĂNG		10.20			7.40	8.90	35.14%
SCR	4.92	GIẢM	GIẢM		5.39			5.86		
SHI	8.87	GIẢM	TĂNG		9.13			6.99	8.30	26.90%
SJS	18.95	GIẢM	TĂNG	16.90	19.10	13.02%	BÁN	17.00	16.25	11.47%
SKG	10.40	GIẢM	GIẢM		11.08			12.46		
SSI	15.80	GIẢM	GIẢM		17.07			19.29		
STB	12.35	TĂNG	TĂNG	12.35	11.67	0.00%	MUA	10.20	10.31	21.08%
TCB	22.50	GIẢM	GIẢM		23.03			23.81		
TCM	17.60	GIẢM	GIẢM		19.59			21.53	18.41	-14.47%
TDH	9.52	GIẢM	GIẢM		10.05			10.67		
TLH	3.17	GIẢM	GIẢM		3.38			3.97		
TNG	13.80	GIẢM	TĂNG		15.07			15.50	13.32	-10.97%
VCB	81.80	GIẢM	GIẢM		85.45			61.45	86.74	41.14%
VCG	25.40	TĂNG	GIẢM	24.50	23.50	3.67%			26.70	
VCS	67.40	GIẢM	GIẢM		72.70			77.55		
VGC	18.50	TĂNG	GIẢM	18.10	17.65	2.21%			18.80	
VGT	8.20	GIẢM	TĂNG		8.81			9.10	7.69	-9.89%
VHC	32.45	GIẢM	GIẢM		33.63			38.00		
VHM	80.50	GIẢM	GIẢM		83.25			91.72		
VIB	18.30	TĂNG	TĂNG	18.20	17.71	0.55%		17.70	16.76	3.39%

We Create Fortune

VIC	105.40	TĂNG	GIẢM	110.00	104.03	-4.18%		113.04		
VIP	5.10	GIẢM	TĂNG		5.32		5.54	4.93	-7.94%	
VJC	120.80	GIẢM	GIẢM		125.66			136.53		
VND	13.50	GIẢM	GIẢM		14.21		14.70	13.53	-7.97%	BÁN
VNG	16.70	GIẢM	GIẢM		17.38			19.79		
VNM	104.50	GIẢM	GIẢM		109.92			116.15		
VPB	26.90	GIẢM	TĂNG		29.41		21.90	24.70	22.83%	
VPI	41.30	GIẢM	TĂNG		42.59		41.30	40.58	0.00%	
VRC	6.48	GIẢM	GIẢM		7.54			9.77		
VRE	28.55	GIẢM	GIẢM		30.16			33.88		
VSC	23.35	GIẢM	GIẢM		25.09		27.00	24.46	-9.40%	BÁN

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	25.20	GIẢM	TĂNG		26.21			24.00	23.02	5.00%	
BID	45.15	GIẢM	GIẢM		49.56			33.40	49.22	47.36%	BÁN
BSR	7.60	GIẢM	GIẢM		7.89			8.84			
BVH	54.70	GIẢM	GIẢM		58.64			64.91			
CTG	25.50	GIẢM	TĂNG		26.93			23.55	24.15	8.28%	
FPT	55.70	TĂNG	GIẢM	56.00	52.63	-0.54%		56.69			
GAS	79.00	GIẢM	GIẢM		81.02			92.82			
GEX	18.15	GIẢM	GIẢM		18.88			20.45			
GVR	12.30	TĂNG	GIẢM	11.80	11.19	4.24%		12.77			
HDB	27.70	GIẢM	TĂNG		29.00			29.95	25.76	-7.51%	
HNG	13.40	GIẢM	GIẢM		13.78			14.51			
HPG	22.30	GIẢM	GIẢM		23.71			23.85	23.23	-2.62%	BÁN
HVN	22.20	GIẢM	GIẢM		24.95			30.32			
KDH	24.60	GIẢM	GIẢM		25.00			26.24			
MBB	20.70	GIẢM	GIẢM		21.52			22.70			
MSN	49.00	GIẢM	GIẢM		51.80			56.41			
MWG	106.50	GIẢM	GIẢM		110.77			118.39			
NVL	53.60	GIẢM	GIẢM		55.39			58.55			
OIL	6.80	GIẢM	GIẢM		7.18			8.38			
PLX	50.80	GIẢM	GIẢM		52.45			55.87			
PNJ	81.60	GIẢM	GIẢM		85.65			89.93			
POW	9.98	GIẢM	GIẢM		10.58			11.22			

We Create Fortune

QNS	25.50	GIẢM	GIẢM		27.10			28.48	26.05	-8.53%	BÁN
REE	32.45	GIẢM	GIẢM		33.69				36.65		
ROS	7.34	GIẢM	GIẢM		8.71				11.75		
SBT	21.40	TĂNG	TĂNG	18.50	20.99	15.68%		17.50	19.55	22.29%	
SSI	15.80	GIẢM	GIẢM		17.07				19.29		
STB	12.35	TĂNG	TĂNG	12.35	11.67	0.00%	MUA	10.20	10.31	21.08%	
TCB	22.50	GIẢM	GIẢM		23.03				23.81		
TPB	21.35	GIẢM	GIẢM		21.48				23.94		
VCB	81.80	GIẢM	GIẢM		85.45			61.45	86.74	41.14%	BÁN
VCG	25.40	TĂNG	GIẢM	24.50	23.50	3.67%			26.70		
VCS	67.40	GIẢM	GIẢM		72.70				77.55		
VEA	40.00	GIẢM	GIẢM		42.28				59.45		
VGI	26.90	GIẢM	TĂNG		29.76			28.30	24.29	-4.95%	
VHM	80.50	GIẢM	GIẢM		83.25				91.72		
VIB	18.30	TĂNG	TĂNG	18.20	17.71	0.55%		15.00	16.76	21.96%	
VIC	105.40	TĂNG	GIẢM	110.00	104.03	-4.18%			113.04		
VJC	120.80	GIẢM	GIẢM		125.66				136.53		
VNM	104.50	GIẢM	GIẢM		109.92				116.15		
VPB	26.90	GIẢM	TĂNG		29.41			21.90	24.70	22.83%	
VRE	28.55	GIẢM	GIẢM		30.16				33.88		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.40	GIẢM	TĂNG		13.22			13.30	11.21	-6.77%	
ANV	17.10	GIẢM	GIẢM		18.62				21.46		
ASM	5.74	TĂNG	GIẢM	5.80	5.34	-1.03%			6.62		
BMI	22.30	GIẢM	GIẢM		23.32				26.23		
BMP	40.50	GIẢM	GIẢM		43.67				45.49		
BWE	21.20	GIẢM	GIẢM		21.82				22.61		
CEO	8.10	GIẢM	GIẢM		8.65				9.26		
CII	21.50	GIẢM	GIẢM		23.10			26.00	22.83	-12.20%	BÁN
CRE	22.50	GIẢM	GIẢM		22.83				23.60		
CTI	22.00	TĂNG	GIẢM	22.20	20.45	-0.90%			23.07		
CTR	45.10	TĂNG	TĂNG	48.20	44.29	-6.43%		43.70	40.69	3.20%	
D2D	61.50	TĂNG	TĂNG	54.90	58.12	12.02%		64.00	46.10	-3.91%	
DBD	48.00	GIẢM	GIẢM		50.99				57.36		

We Create Fortune

DCM	6.02	TĂNG	TĂNG	5.93	6.00	1.52%		6.18	5.63	-2.59%	
DGW	25.10	GIẢM	TĂNG		27.74			25.20	24.11	-0.40%	
DHC	37.00	GIẢM	TĂNG		38.23			37.70	36.02	-1.86%	
DIG	12.40	GIẢM	TĂNG		13.32			13.20	11.62	-6.06%	
DPG	26.20	GIẢM	GIẢM		30.42				32.83		
DPM	12.00	GIẢM	GIẢM		12.55				12.75		
DRC	22.15	GIẢM	GIẢM		24.04				25.96		
DXG	11.85	GIẢM	GIẢM		12.89				13.70		
E1VFN30	13.99	TĂNG	GIẢM	14.68	13.84	-4.70%			15.42		
FCN	9.14	GIẢM	GIẢM		9.75				10.51		
FLC	3.76	GIẢM	GIẢM		4.02				4.74		
GEG	20.20	GIẢM	GIẢM		22.53				26.06		
GMD	19.00	GIẢM	GIẢM		19.95				21.10		
GTN	16.25	GIẢM	GIẢM		17.93				19.23		
HAG	3.27	GIẢM	GIẢM		3.49				3.97		
HBC	10.15	GIẢM	GIẢM		10.93				12.07		
HCM	17.20	GIẢM	GIẢM		18.60				21.47		
HDC	19.55	GIẢM	GIẢM		21.38				23.28		
HDG	26.40	GIẢM	GIẢM		28.27				29.65		
HPX	27.10	GIẢM	#N/A		27.75			35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.59	GIẢM	TĂNG		8.14			7.75	7.52	-2.06%	
HT1	14.00	GIẢM	TĂNG		14.86			16.90	13.91	-17.16%	
HTM	15.70	GIẢM	TĂNG		17.92			20.00	15.34	-21.50%	
IBC	20.80	TĂNG	GIẢM	20.80	20.32	0.00%			21.22		
IDI	4.39	TĂNG	GIẢM	4.45	4.10	-1.35%			4.85		
IJC	13.05	GIẢM	GIẢM		13.95				15.38		
ITA	2.23	GIẢM	GIẢM		2.40				2.57		
KBC	14.55	GIẢM	TĂNG		15.08			14.85	14.21	-2.00%	BÁN
KDC	18.10	GIẢM	GIẢM		18.85				20.22		
KOS	27.50	GIẢM	TĂNG		28.51			26.30	26.55	4.56%	
KSB	20.50	TĂNG	TĂNG	19.65	17.21	4.33%		19.10	15.18	7.33%	
LDG	5.89	GIẢM	GIẢM		6.55				7.94		
LPB	7.90	TĂNG	TĂNG	7.90	7.25	0.00%	MUA	7.40	6.18	6.76%	
MBG	14.70	GIẢM	GIẢM		17.31				26.71		
MBS	11.10	GIẢM	GIẢM		11.64				13.43		
MPC	23.80	TĂNG	TĂNG	22.00	22.01	8.18%		24.10	19.14	-1.24%	
NBB	18.95	GIẢM	GIẢM		19.86				22.02		
NKG	8.29	GIẢM	GIẢM		8.80				9.51		



We Create Fortune

NLG	25.60	GIẢM	GIẢM		25.92			28.61		
NT2	19.75	GIẢM	TĂNG		20.29		20.55	18.73	-3.89%	
NTL	20.00	GIẢM	GIẢM		21.54			23.30		
NVB	8.70	GIẢM	TĂNG		9.32		8.50	8.62	2.35%	
OGC	3.41	GIẢM	GIẢM		3.45			3.80		
PC1	14.20	GIẢM	GIẢM		15.32			17.81		
PDR	26.00	TĂNG	TĂNG	26.50	25.09	-1.89%	23.59	25.19	10.19%	
PHR	46.80	TĂNG	TĂNG	38.50	43.83	21.56%	47.20	34.83	-0.85%	
PPC	27.45	TĂNG	TĂNG	26.80	26.96	2.43%	28.40	24.97	-3.35%	
PTB	63.90	GIẢM	GIẢM		66.96			72.44		
PVD	11.85	GIẢM	GIẢM		12.82			14.83		
PVI	30.80	GIẢM	GIẢM	32.00	31.05	-2.97%	BÁN	33.18		
PVS	15.00	GIẢM	GIẢM		16.00			18.18		
PVT	12.25	GIẢM	GIẢM		13.02			14.77		
QCG	4.57	TĂNG	TĂNG	4.00	3.92	14.25%	4.28	4.13	6.78%	MUA
SCR	4.92	GIẢM	GIẢM		5.39			5.86		
SGP	6.10	GIẢM	GIẢM		6.78			7.68		
SHB	10.50	TĂNG	TĂNG	8.00	8.15	31.25%	7.10	6.10	47.89%	
SHS	8.20	TĂNG	TĂNG	7.20	6.66	13.89%	7.90	7.73	3.80%	MUA
SZC	17.90	GIẢM	TĂNG		18.11		17.85	17.81	0.28%	MUA
TCH	33.90	GIẢM	GIẢM		35.76		26.15	40.52	54.94%	BÁN
TCM	17.60	GIẢM	GIẢM		19.59		21.53	18.41	-14.47%	BÁN
TDH	9.52	GIẢM	GIẢM		10.05			10.67		
TNG	13.80	GIẢM	TĂNG		15.07		15.50	13.32	-10.97%	
TTB	3.37	GIẢM	GIẢM		3.67			5.49		
VGC	18.50	TĂNG	GIẢM	18.10	17.65	2.21%		18.80		
VGT	8.20	GIẢM	TĂNG		8.81		9.10	7.69	-9.89%	
VHC	32.45	GIẢM	GIẢM		33.63			38.00		
VND	13.50	GIẢM	GIẢM		14.21		14.70	13.53	-7.97%	BÁN
VNG	16.70	GIẢM	GIẢM		17.38			19.79		
VPI	41.30	GIẢM	TĂNG		42.59		41.30	40.58	0.00%	



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	6.70	GIẢM	GIẢM		7.18				8.16		
AGR	3.30	GIẢM	GIẢM		3.45				3.77		
AMD	2.35	TĂNG	TĂNG	2.35	2.26	0.00%	MUA		2.28		
APG	9.60	GIẢM	TĂNG		10.35			9.90	9.37	-3.03%	
ART	2.40	GIẢM	TĂNG		2.60			2.30	2.12	4.35%	
BCG	6.08	TĂNG	GIẢM	6.59	5.75	-7.74%			7.34		
C4G	5.50	GIẢM	GIẢM		6.10				6.98		
C69	7.00	TĂNG	GIẢM	6.30	6.45	11.11%			10.52		
CCL	6.03	GIẢM	GIẢM		6.36				7.40		
CVT	18.95	GIẢM	GIẢM		20.04				21.66		
DAH	8.44	GIẢM	GIẢM		9.01				10.27		
DLG	1.79	GIẢM	GIẢM		1.98				2.21		
DRH	6.15	TĂNG	TĂNG	3.63	4.98	69.42%		4.70	3.07	30.85%	
DTD	12.50	TĂNG	TĂNG	10.80	10.81	15.74%		12.40	11.67	0.81%	MUA
EVG	2.57	TĂNG	GIẢM	2.55	2.32	0.78%			2.73		
FIT	6.95	GIẢM	GIẢM		8.15				9.74		
FTM	2.04	TĂNG	GIẢM	1.84	1.91	10.87%			2.92		
FUES SV50	12.20	GIẢM	GIẢM		12.40				12.91		
GKM	15.80	TĂNG	TĂNG	15.00	15.27	5.33%		14.90	14.87	6.04%	
HAH	10.70	GIẢM	GIẢM		11.25				11.79		
HAI	2.67	GIẢM	GIẢM		2.86				3.33		
HAR	3.37	GIẢM	GIẢM		3.43				4.02		
HDA	7.70	GIẢM	GIẢM		8.12				9.68		
HHP	12.80	GIẢM	GIẢM		12.89				13.13		
HHS	4.79	TĂNG	TĂNG	4.79	4.52	0.00%	MUA	3.36	3.91	42.56%	
HID	2.41	TĂNG	TĂNG	2.36	2.36	2.12%		2.63	2.16	-8.37%	
HII	13.70	TĂNG	TĂNG	9.61	12.75	42.56%		11.00	10.35	24.55%	
HQC	1.03	GIẢM	GIẢM		1.10				1.15		
HSL	5.66	GIẢM	GIẢM		6.30				7.43		
HUT	2.10	GIẢM	GIẢM		2.19				2.58		
HVG	6.35	GIẢM	GIẢM		7.65			3.90	6.94	78.05%	BÁN
HVH	10.50	GIẢM	GIẢM		11.48				14.11		
IDJ	16.00	GIẢM	TĂNG	9.20	16.12	75.18%	BÁN	7.20	9.82	122.22%	
JVC	3.35	GIẢM	GIẢM		3.65				3.79		



We Create Fortune

KLF	1.40	TĂNG	TĂNG	1.60	1.28	-12.50%		1.50	1.33	-6.67%	
LCG	6.23	GIẢM	GIẢM		6.72				7.57		
LGL	5.62	GIẢM	GIẢM		6.49				7.41		
LHG	14.25	GIẢM	GIẢM		14.91				16.11		
LMH	2.08	GIẢM	GIẢM		2.47				4.36		
MST	6.30	GIẢM	TĂNG		6.87			3.40	5.46	85.29%	
NDN	15.60	TĂNG	GIẢM	15.40	14.89	1.30%			16.36		
PHC	10.70	GIẢM	GIẢM		10.91				11.50		
PLP	9.38	TĂNG	GIẢM	10.05	8.61	-6.67%			10.52		
PVB	15.20	GIẢM	GIẢM		16.05				18.20		
PVC	6.10	GIẢM	GIẢM		6.55				6.78		
PVX	1.00	GIẢM	GIẢM		1.17				1.30		
PXL	8.80	TĂNG	TĂNG	8.10	8.14	8.64%		6.70	6.66	31.34%	
SHI	8.87	GIẢM	TĂNG		9.13			5.77	8.30	53.85%	
SJF	1.56	GIẢM	GIẢM		1.75				2.06		
SPP	1.50	GIẢM	GIẢM		1.67				2.13		
TDC	8.05	GIẢM	GIẢM		8.36				8.84		
TIG	6.80	TĂNG	TĂNG	6.40	6.74	6.25%		3.20	5.59	112.50%	
TLH	3.17	GIẢM	GIẢM		3.38				3.97		
TNA	17.40	GIẢM	GIẢM		19.28				21.92		
TNI	10.10	GIẢM	TĂNG		10.28			10.90	9.99	-7.34%	
TSC	2.07	GIẢM	GIẢM		2.36				2.94		
TTF	2.70	TĂNG	TĂNG	2.58	2.64	4.65%		2.85	2.40	-5.26%	
TTH	2.60	GIẢM	GIẢM		2.71				2.88		
TVC	28.60	GIẢM	TĂNG		31.07			14.30	26.65	100.00%	
VC3	16.30	GIẢM	GIẢM		16.79			14.24	16.32	14.67%	BÁN
VCR	11.40	GIẢM	TĂNG		14.05			12.90	7.61	-11.63%	
VNA	3.00	TĂNG	GIẢM	3.10	2.70	-3.23%			3.80		
VNE	3.85	TĂNG	TĂNG	3.85	3.77	0.00%	MUA		3.70		
VRC	6.48	GIẢM	GIẢM		7.54				9.77		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	884.43	0.25%	HNI	110.67	0.99%	UPCoM	55.17	0.22%
VN30	835.42	0.41%	HN30	198.53	2.23%			
VN Mid	862.68	0.36%	VNX	795.13	0.35%			
VN Small	719.55	0.28%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	355.58		Mua	3.30		Mua	21.07	
Bán	651.06		Bán	30.87		Bán	39.18	
GT ròng	-295.48		GT ròng	-27.57		GT ròng	-18.11	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
YEG	4200	6.98%	SHB	900	9.38%	LPB	1000	14.49%
HHS	310	6.92%	HUT	100	5.00%	BSR	300	4.11%
TCH	2100	6.60%	SHS	300	3.80%	ACV	1800	3.52%
STB	750	6.47%	TAR	600	1.84%	VIB	300	1.67%
AST	3000	5.08%	PVS	100	0.67%	GVR	200	1.65%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
FRT	-1450	-6.89%	IDJ	-1700	-9.60%	DVN	-400	-3.23%
SCS	-5400	-4.97%	TIG	-300	-4.23%	QNS	-400	-1.54%
LIX	-2200	-4.63%	MBG	-300	-2.00%	CTR	-200	-0.44%
GEG	-800	-3.81%	L14	-500	-0.94%	DDV	0	0.00%
HVN	-800	-3.48%	TVC	-200	-0.69%	DGT	0	0.00%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	356,508		ACB	41,744		ACV	111,373	
VCB	305,612		SHB	16,851		VEA	53,191	
VHM	264,477		VCG	11,043		GVR	48,592	
BID	183,002		VCS	10,736		MCH	47,230	
VNM	181,974		PVI	7,211		BCM	25,459	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
STB	27,550,640	9,947,975	SHB	54,625,968	13,292,454	LPB	8,209,602	1,466,500
DLG	11,169,214	6,710,099	ACB	3,829,540	4,999,642	ORS	3,492,200	47,991
AMD	10,721,060	3,344,390	PVS	3,265,616	2,224,322	BSR	2,978,755	1,500,659
HAI	7,951,200	3,623,850	DNP	2,577,500	15,984	PPI	1,902,559	170,557
VPB	6,924,310	4,889,510	ART	2,133,890	1,485,553	TOP	1,362,700	72,295

Nguồn: Bloomberg & YSVN

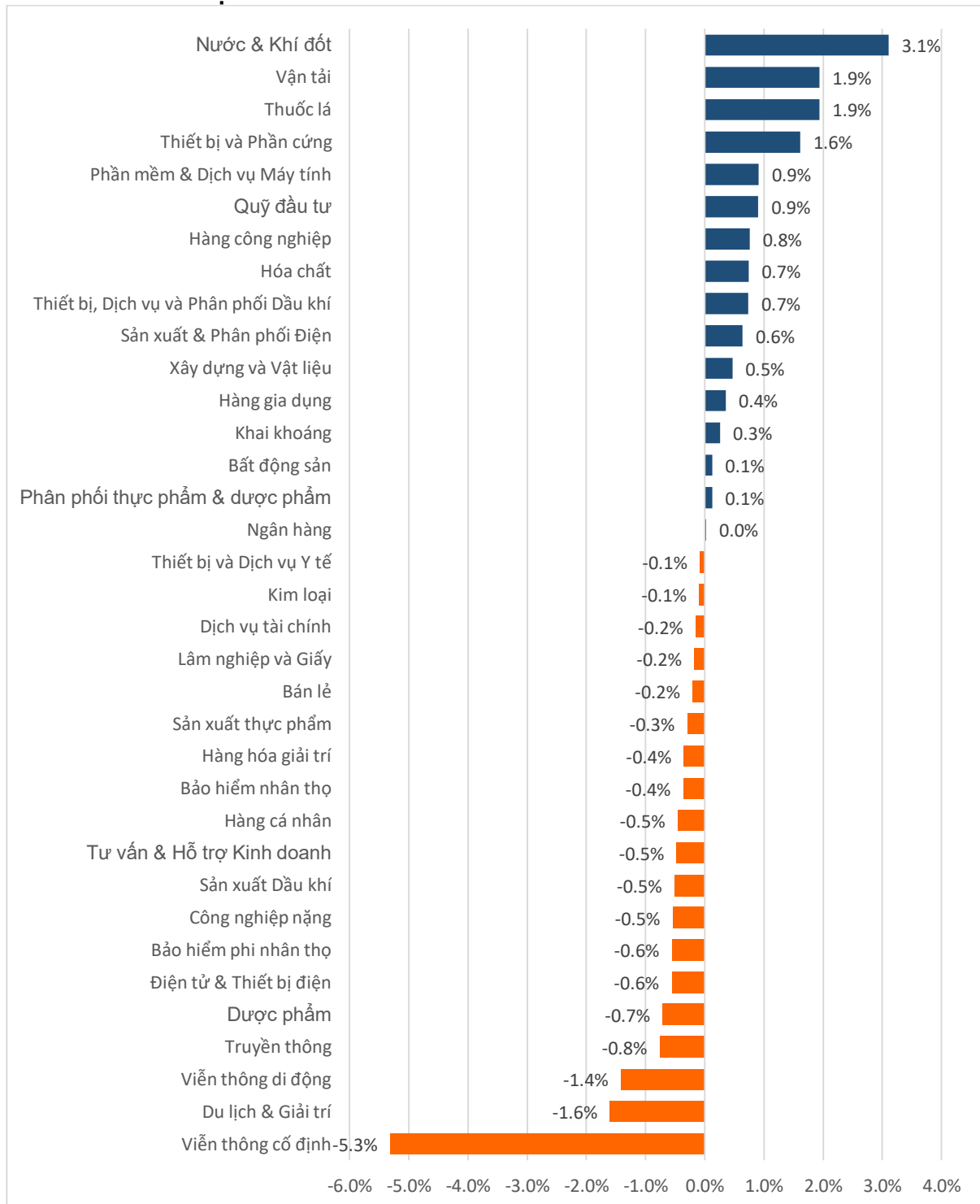
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

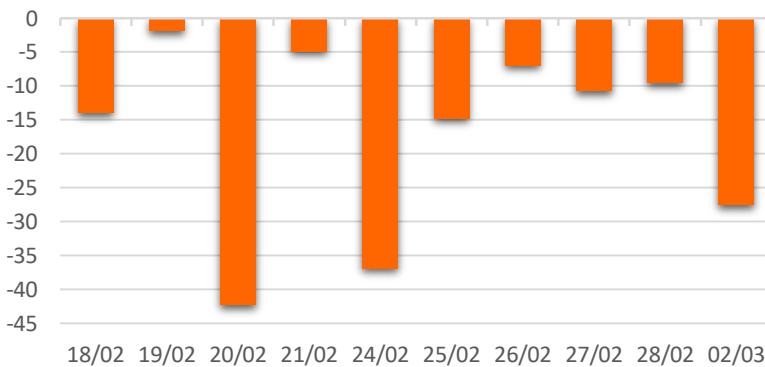
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>E1VFN30</b>	32,638	<b>MSN</b>	39,470
<b>NLG</b>	27,701	<b>VJC</b>	29,056
<b>PHR</b>	8,112	<b>VNM</b>	28,889
<b>CVT</b>	3,452	<b>VIC</b>	26,094
<b>TCH</b>	3,069	<b>STB</b>	23,420

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

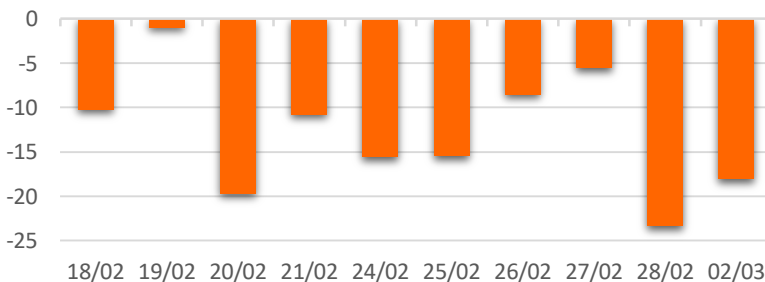
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>AMV</b>	1,258	<b>PVS</b>	24,464
<b>VCS</b>	294	<b>SHB</b>	3,418
<b>SRA</b>	222	<b>NTP</b>	1,230
<b>TNG</b>	185	<b>TIG</b>	151
<b>SD6</b>	69	<b>NHA</b>	139

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>VEA</b>	359	<b>ACV</b>	15,143
<b>MCH</b>	30	<b>QNS</b>	3,177
<b>MPC</b>	24	<b>LTG</b>	242
<b>ICC</b>	17	<b>FOC</b>	179
<b>MFS</b>	2	<b>LPB</b>	175

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



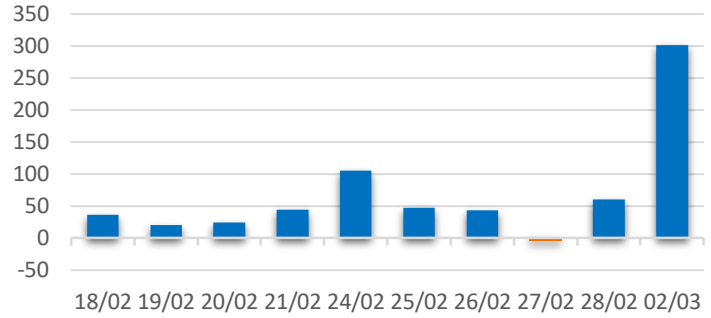
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

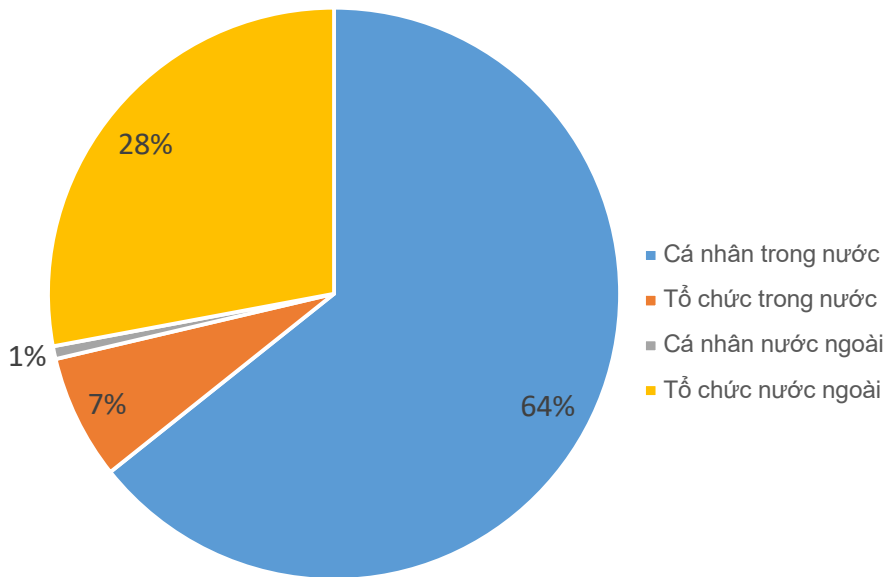
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VNM	32,749	E1VFN30	32,473
TCB	30,620	VCB	20,013
VPB	27,363	MWG	6,451
VIC	26,814	REE	2,650
HPG	24,614	VNM	2,195

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



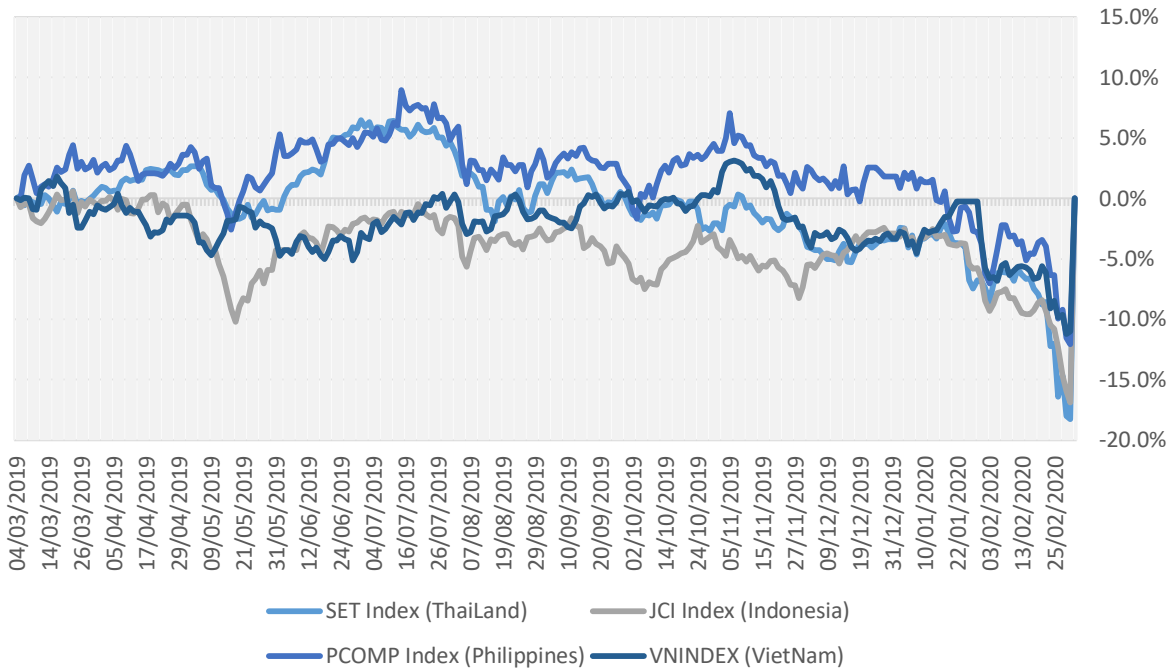
## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM



Nguồn: FiinPro – YSVN

We Create Fortune

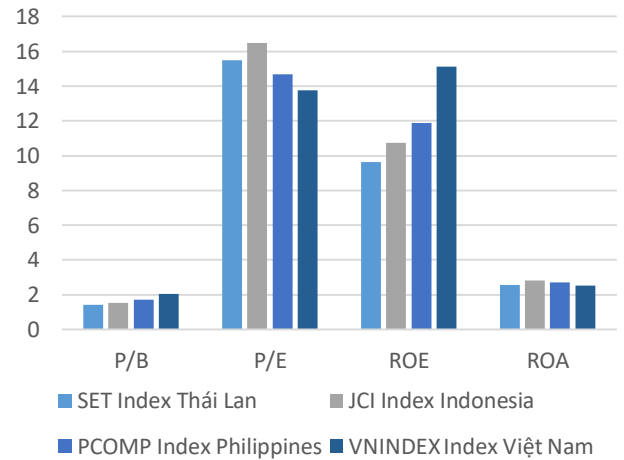
## Diễn biến các thị trường trong khu vực



### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.4x	1.5x	1.7x	2.0x
P/E		15.5x	16.5x	14.7x	13.8x
ROE	%	9.64	10.73	11.87	15.11
ROA	%	2.55	2.83	2.70	2.52
Vốn hóa	Tỷ USD	459.50	443.62	167.00	130.00
GTGD	Triệu USD	2.45	0.52	0.14	0.14
LS cổ tức	%	3.87	2.95	1.84	2.26

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Lý Thị Hiền**

**Trưởng phòng NC-PT**

+84 28 3622 6868 ext 3908

hien.ly@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khankh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Nguyễn Mạnh Hoạt**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868 ext 3847

hoat.nguyen@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868 ext 3701

phong.bui@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Đinh Thị Thu Cúc**

**Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu**

+84 28 3622 6868 ext 3203

cuc.dinh@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written